ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 165 /GP-UBND	*Thanh Hóa, ngày 10 tháng 9 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 1167/UBND-NN ngày 23/02/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần Tập đoàn Quốc tế ABC lập hồ sơ xin thuê đất thực hiện dự án đầu tư Xưởng thêu và chế tác đá mỹ nghệ xuất khẩu tại xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 1715/UBND-THKH ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xưởng thêu và chế tác đá mỹ nghệ tại phường Thiệu Dương thành phố Thanh Hoá;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 1506/2024/ABC ngày 15/6/2024 Công văn số 0108/2024/CV-ABC ngày 22/8/2024 của Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế ABC về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất, xuất khẩu Thiệu Dương tại phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1428/TTr-STNMT ngày 01 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế ABC, địa chỉ tại số 589 Lạc Long Quân, Tổ 28, cụm 4, phường Xuân La, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất, xuất khẩu Thiệu Dương tại phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất, xuất khẩu Thiệu Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100958501, đăng ký lần đầu ngày 15/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/6/2022, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế/đăng ký doanh nghiệp: 0100958501

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công hàng may mặc, thêu, giày dép, thú nhồi bông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 26.899 m^2

- Công suất: 08 triệu sản phẩm ngành may/năm, trong đó:

+ Sản phẩm may quần áo: 03 triệu sản phẩm/năm;

+ Sản phẩm thú nhồi bông: 03 triệu sản phẩm/năm;

+ Sản phẩm giầy, dép: 02 triệu sản phẩm/năm *(Chỉ thực hiện sản xuất may sản phẩm, không sản xuất đế giầy).*

(cơ cấu sản phẩm sản xuất có thể thay đổi tùy theo đơn đặt hàng với đối tác)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu quản lý về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế ABC:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế ABC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến ngày 15 tháng 9 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Tập đoàn quốc tế ABC (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hoá (để theo dõi);
- UNND phường Thiệu Dương (để g/s)
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh số 01 gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống PVC, DN125 → Bể tự hoại 03 ngăn; nước thải rửa tay, chân phát sinh → D110→ Hố ga tách rác.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh số 02 gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống PVC, DN125 → Bể tự hoại 03 ngăn; nước thải rửa tay, chân phát sinh → D110→ Hố ga tách rác.

- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà vệ sinh khu văn phòng gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Ống PVC, DN125 → Bể tự hoại 03 ngăn; nước thải rửa tay, chân phát sinh → D110→ Hố ga tách rác.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (nước thải rửa tay chân và nước thải rửa dụng cụ đựng thức ăn của công nhân) từ khu vực nhà ăn ca (Công ty không tổ chức nấu ăn tại công ty, chỉ đem theo đồ ăn chế biến sẵn).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

Nhà máy có 01 dòng nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m^3/ngày.đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu thoát nước chung của khu vực tại phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá.

2.3. Vị trí xả thải:

- Vị trí xả nước thải: Vị trí điểm xả thải có tọa độ *(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0, múi chiếu 3^0)*: X = 2196257 (m); Y = 0580150 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 25,5 m^3/ngày đêm (24 giờ).

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với K = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục
2	BOD_5 (20^oC)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải

- Tuyến thu gom số 01: Nước thải nguồn số 01 → Đường ống PVC, DN200 (L=71,4m) → Hố thu; Nước thải nguồn số 03 → Đường ống PVC, DN200 (L-16,9m) → Hố thu (cùng nước thải nguồn số 01) → Đường ống PVC, DN200 → Hố thu (nguồn số 01 và 03); Nước thải nguồn số 02 → Đường ống PVC, DN200 → Hố thu (cùng với nguồn số 01 và 03) → Đường ống PVC, DN200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tuyến thu gom số 02: Nước thải nguồn số 04 → Hố thu → Đường ống PVC, DN200 → Bể ngầm chứa nước thải → Đường ống PVC, DN 200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải gồm có:

- Bể tự hoại 03 ngăn: 04 bể với tổng thể tích 280 m^3.

- Bể chứa nước thải (xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn ca): 01 bể với thể tích 45m^3.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể gom kết hợp điều hoà nước thải →Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế: 40 m^3/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy...để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể thu gom kết hợp điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc ra để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế.

- Trường hợp nước thải trong các bể bị ứ đọng/tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng, hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng.

- Trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải điều chỉnh liều lượng hoá chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, bổ sung thêm dưỡng chất.

Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Trường hợp sự cố lớn không thể khắc phục kịp thời, Công ty thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời cho nhà máy tạm dừng sản xuất, chỉ bộ phận quản lý đi làm để hạn chế lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo Quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 40 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí số 01 tại Bể gom kết hợp điều hoà nước thải.

- Vị trí số 02 tại cửa xả sau xử lý thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế ABC có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế ABC chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải lò đốt cấp hơi sử dụng viên nén mùn cưa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải của lò đốt cấp hơi sử dụng viên nén mùn cưa sau hệ thống xử lý thải qua ống khói cao 15 m ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên Nhà máy tại phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Toạ độ vị trí xả khí thải *(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o múi chiếu 3^o):* Y = 583207 (m); X = 2196452 (m)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.020 m^3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả thải: Xả gián đoạn, chỉ xả khi vận hành lò đốt cấp hơi.

2.3.2. Chất lượng khí thải sau xử lý

- Khí thải của dòng khí thải số 01 trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; k_v = 0,8; k_p = 1,0), cụ thể:

STT	Tên chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**160**	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Các bon oxit, CO	mg/Nm^3	**800**		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	**400**		
4	Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	**680**		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Khí thải từ buồng đốt viên nén mùn cưa → Hệ thống xử lý khí thải (phun nước có bổ sung sữa vôi) → Quạt hút li tâm → Ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Bể chứa nước (có bổ sung sữa vôi) bằng BTCT 01; máy bơm nước dập bụi 01; quạt hút ly tâm 02 cái; ống khói bằng thép Inox 304, đường kính 1200mm; cao 15m.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải lò đốt cấp hơi:

Bụi, khí thải lò đốt → Đường ống → Bể chứa nước có bổ sung sữa vôi (Trong bể có các vách ngăn, pép phun) → Quạt hút khí thải → Ống khói → Môi trường.

- Công suất quạt hút: (2.000 - 5.000) m^3/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch sữa vôi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải và đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo các sự cố đến cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (theo khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

03 tháng sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải của lò đốt cấp hơi sử dụng viên nén mùn cưa.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại thân ống khói xử lý khí thải lò đốt cấp hơi sử dụng viên nén mùn cưa.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.2, Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.3.2, phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu, quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.2, Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy bơm, máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03 : Từ hoạt động của các nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung nằm trong khuôn viên Nhà máy sản xuất, xuất khẩu Thiệu Dương tại phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: X = 0580380.64 (m) Y = 2196458.14 (m)
- Nguồn số 02: X = 0580278.96 (m) Y = 2196476.49 (m)
- Nguồn số 03: X = 0580409.21 (m) Y = 2196394.06 (m)
- Nguồn số 04: X = 0580265.37 (m) Y = 2196468.68 (m)

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các thiết bị, máy móc hiện đại, hạn chế tối đa tiếng ồn phát sinh;

- Bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của khu vực có độ ồn cao (như: khu vực may, khu vực giặt là,…) và giảm tối đa số công nhân làm việc ở đó;

- Đặt máy móc, thiết bị trên các bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su, đệm cát đẻ tăng cường thêm khả năng cách ly chấn động;

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị;

- Trang bị nút tai chống ồn, bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao.

- Khu vực nhà máy phát điện đặt tách biệt so với khu vực văn phòng làm việc, khu vực nhà ăn.

- Đảm bảo tiếng ồn tại nhà máy, khu vực làm việc đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh *(kg/năm)*
1	Hộp mực in	08 02 04	15
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12
3	Pin ắc quy thải	16 01 12	20
4	Dầu thải (dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải)	17 02 03	80
5	Giẻ lau dính dầu mỡ (Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại)	18 02 01	12
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 02 03	50
Tổng khối lượng			**189**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải rắn	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải CN thông thường	380.000
2	Tro xỉ từ lò hơi	7.110
3	Bùn cặn từ các công trình XLNT	32.000
Tổng		**419.100**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	180
	Tổng khối lượng	**180**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 100 - 240 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa CTNH có diện tích 5m^2 nằm trong Nhà kho chứa chất thải của nhà máy có tổng diện tích 25m^2 .

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường xây gạch bao kín, mái tôn, nền láng xi măng, bên trong có bố trí các thùng chứa đối với từng loại chất thải, có gắn biển báo nhãn mác bên ngoài cửa ra vào, tránh tràn đổ chất thải ra ngoài môi trường, phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa cứng để lưu giữ chất thải rắn thông thường.

- Bao bì mềm để lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Kim may và các vật sắc nhọn bằng kim loại thu gom vào các thùng nhựa hoặc kim loại có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Lưu chứa tại Nhà kho (cùng với CTNH, trong đó khu vực lưu trữ chất thải sản xuất có diện tích là 20m^2).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải sinh hoạt có nắp đậy loại 100; 120; 500 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Nhà máy không bố trí khu lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Chất thải sinh hoạt thu gom vào các thùng chứa theo quy định và vận chuyển đi xử lý hàng ngày sau mỗi ca làm việc.

- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 15m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Nền đổ bê tông xi măng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện biện pháp xử lý bụi, khí thải, nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thưởng đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.